

Số: 1438/2022/QĐST-HNGĐ

Quận 12, ngày 30 tháng 11 năm 2022.

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ các Điều 212, 213 và 397 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 58, 59, 60, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ hồ sơ Hôn nhân gia đình đã thụ lý số 1025/2022/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2022 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu:

1. Bà Nguyễn Nữ Cát M, sinh năm 1994

Địa chỉ thường trú: phường Hiệp Thành, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ tạm trú: phường Tân Hưng Thuận, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh;

2. Ông Nguyễn Hoàng V, sinh năm 1995;

Địa chỉ thường trú: phường Hiệp Thành, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ tạm trú: phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật: “Về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”.

[2] Về yêu cầu của đương sự:

Bà Nguyễn Nữ Cát M và Ông Nguyễn Hoàng V chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Tân Sơn Nhì, quận Tân Phú và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 196/2015, quyền số 01/2015, cấp ngày 23/11/2015. Nay Bà M và Ông V yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn.

Về con chung: Có 02 con chung là trẻ Nguyễn L, sinh ngày 19/6/2015 và trẻ Nguyễn L Triều V, sinh ngày 30/01/2018. Ông V và Bà M thỏa thuận giao 02 con chung cho Bà Nguyễn Nữ Cát M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Ông Nguyễn Hoàng V không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Về lệ phí: Bà Nguyễn Nữ Cát M và Ông Nguyễn Hoàng V cùng chịu theo biên lai đóng tiền tạm ứng lệ phí đã nộp cho Tòa án.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Nữ Cát M và Ông Nguyễn Hoàng V thuận tình ly hôn.

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật, Giấy chứng nhận kết hôn số 196/2015, quyển số 01/2015, do Ủy ban nhân dân phường Tân Sơn Nhì, quận Tân Phú cấp ngày 23/11/2015 không còn giá trị.

- Về con chung: Có 02 con chung là trẻ Nguyễn L, sinh ngày 19/6/2015 và trẻ Nguyễn L Triều V, sinh ngày 30/01/2018. Ông Nguyễn Hoàng V và Bà Nguyễn Nữ Cát M thỏa thuận giao 02 con chung cho Bà Nguyễn Nữ Cát M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho Ông Nguyễn Hoàng V do Bà Nguyễn Nữ Cát M có khả năng và không yêu cầu Ông Nguyễn Hoàng V cấp dưỡng.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con; không ai được cản trở người không trực tiếp nuôi con thực hiện quyền này. Nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi con. Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

2. Về lệ phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Nguyễn Nữ Cát M và Ông Nguyễn Hoàng V cùng chịu lệ phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) và được khấu trừ toàn bộ vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số AA/2021/0023955 ngày 04 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Nguyễn Nữ Cát M và Ông Nguyễn Hoàng V đã nộp đủ.

3. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án: Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND Q.12;
- CCTHADS Q.12;
- UBND nơi cấp GCN kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HS.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thanh Sang